TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 6 - 2023
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức.

2. Ông Đặng Thanh Liêm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **L**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện S, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **P**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T 2, xã P, huyện S, tỉnh An Giang.

(Bà L có mặt; ông P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà L trình bày:***

Bà và ông P tự tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 01 con chung tên D, sinh ngày 08-12-1999. Hiện cháu D đã chết vào ngày 11-04-2023.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Bà và ông P không có nợ chung.

**** Đối với bị đơn ông P:*** Tại tờ tự khai đề ngày 02-6-2023 ông P trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà L, về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà L có mặt; ông P có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại huyện S, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà L, ông P chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới và nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nay bà L yêu cầu ly hôn với ông P, ông P đồng ý ly hôn với bà L. Xét thấy, bà L, ông P có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông P.

[3.2] Về con chung: Bà L và ông P có 01 con chung tên D, sinh ngày 08-12-1999. Hiện cháu D đã chết vào ngày 11-04-2023, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Không có.

[3.4] Về nợ chung: Bà L và ông P thống nhất không có nợ chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông P.

2. *Về án phí*: Bà L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011840 ngày 02-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh An Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi